

b) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động truyền tải điện;

c) Đầu nối vào lưới điện truyền tải do các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị truyền tải điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm cung cấp dịch vụ truyền tải và các dịch vụ phụ trợ cho các bên có liên quan, trừ trường hợp lưới điện truyền tải bị quá tải theo xác nhận của Bộ Công Thương;

b) Trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị phải ngừng hoặc yêu cầu đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia giảm mức truyền tải điện nếu không có giải pháp khác;

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện truyền tải và thực hiện đầu tư phát triển lưới điện truyền tải đáp ứng nhu cầu truyền tải điện theo quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; đầu tư thiết bị đo đếm điện và các thiết bị phụ trợ, trừ trường hợp có thoả thuận khác với đơn vị phát điện, đơn vị phân phối điện hoặc khách hàng sử dụng điện bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật;

d) Thông báo ngay cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi có sự cố về lưới điện truyền tải;

đ) Bảo đảm quyền đầu nối của các tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực vào lưới điện truyền tải được giao quản lý vận hành, do mình đầu tư xây dựng; trường hợp từ chối đầu nối thì thực hiện theo quy định của Bộ Công Thương;

e) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện; kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về an toàn điện được quy định tại Điều 8 Luật Điện lực;

g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phân phối điện

1. Đơn vị phân phối điện có các quyền sau đây:

a) Xây dựng và trình duyệt giá phân phối điện;

b) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để thao tác, bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế mới trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động phân phối điện;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị phân phối điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm cung cấp dịch vụ phân phối điện cho khách hàng sử dụng điện, đơn vị bán lẻ điện, đơn vị bán buôn điện đáp ứng các tiêu chuẩn về kỹ thuật,

chất lượng dịch vụ, an toàn theo hợp đồng, trừ trường hợp lưới điện phân phối bị quá tải theo xác nhận của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực điện lực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển lưới điện phân phối và thực hiện đầu tư phát triển lưới điện phân phối đáp ứng nhu cầu điện theo quy hoạch phát triển điện lực; đầu tư công tơ và đường dây dẫn điện đến công tơ cho bên mua điện, trừ trường hợp có thoả thuận khác với bên mua điện trên cơ sở bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật;

c) Trường hợp có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn của trang thiết bị phải ngừng hoặc giảm mức phân phối điện nếu không có giải pháp khác;

d) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ an toàn công trình điện lực và lưới điện; kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm về an toàn điện được quy định tại Điều 8 Luật Điện lực;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán buôn điện

1. Đơn vị bán buôn điện có các quyền sau đây:

a) Mua điện trực tiếp của bên bán điện theo hợp đồng mua buôn điện;

b) Sử dụng dịch vụ truyền tải, phân phối điện, dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;

c) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán buôn điện;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bán buôn điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

b) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện của bên sử dụng điện; kiểm tra việc sử dụng điện an toàn của bên sử dụng điện; kiểm tra việc ngừng sử dụng điện, giảm mức tiêu thụ điện của bên sử dụng điện; kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi bị cấm trong sử dụng điện được quy định tại Điều 8 Luật Điện lực;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị bán lẻ điện

1. Đơn vị bán lẻ điện có các quyền sau đây:

a) Mua điện trực tiếp của bên bán điện theo hợp đồng mua buôn điện;

b) Sử dụng dịch vụ truyền tải điện, phân phối điện, dịch vụ điều độ hệ thống điện và điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;

c) Được vào khu vực quản lý của bên mua điện để kiểm tra, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện và liên hệ với khách hàng;

d) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động bán lẻ điện;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Đơn vị bán lẻ điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bán điện theo đúng số lượng, chất lượng và giá điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

b) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên mua hoặc bên bán điện theo quy định của pháp luật;

c) Cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến lượng điện bán lẻ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

d) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện, an toàn điện đối với khách hàng sử dụng điện;

đ) Kiểm tra việc thực hiện hợp đồng mua bán điện của bên sử dụng điện; kiểm tra việc sử dụng điện an toàn của bên sử dụng điện; kiểm tra việc ngừng sử dụng điện, giảm mức tiêu thụ điện của bên sử dụng điện; kiểm tra và ngăn chặn kịp thời các hành vi bị cấm trong sử dụng điện được quy định tại Điều 8 Luật Điện lực;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 61. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

a) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

b) Yêu cầu bên bán điện kịp thời khôi phục việc cấp điện sau khi mất điện;

c) Được bồi thường thiệt hại do bên bán điện gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, tính chính xác của thiết bị đo đếm điện, số tiền điện phải thanh toán;

đ) Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến dịch vụ và bên bán lẻ điện;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thanh toán tất cả các khoản tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện;
- b) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện các quy định, chương trình về quản lý nhu cầu sử dụng điện;
- c) Sử dụng dịch vụ truyền tải, phân phối điện, điều độ hệ thống điện, điều hành giao dịch thị trường điện phù hợp với từng cấp độ của thị trường điện lực;
- d) Sử dụng điện đúng đối tượng và mục đích theo quy định về thực hiện giá bán điện;
- đ) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản;
- e) Tạo điều kiện để bên bán điện kiểm tra, sửa chữa, ghi chỉ số đo điện năng, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và thay thế hệ thống đo đếm điện, trang thiết bị điện của đơn vị phân phối điện và và liên hệ với khách hàng;
- g) Bảo đảm các thiết bị, dụng cụ điện sử dụng điện sau công tơ đảm bảo chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện, an toàn phòng cháy chữa cháy, được kiểm định theo quy định pháp luật;
- h) Chịu trách nhiệm thiết kế hệ thống điện trong công trình thuộc phạm vi quản lý đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định pháp luật;
- i) Bồi thường khi gây thiệt hại cho bên bán điện theo quy định của pháp luật;
- k) Bảo vệ công tơ điện đặt trong phạm vi quản lý của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện; không được tự ý tháo gỡ, di chuyển công tơ điện. Khi có nhu cầu di chuyển công tơ điện sang vị trí khác, phải được sự đồng ý của bên bán điện và phải chịu chi phí di chuyển.
- l) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng sử dụng điện lớn

1. Khách hàng sử dụng điện lớn có các quyền quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật này và được sử dụng dịch vụ truyền tải điện theo quy định tại Hợp đồng ký với đơn vị truyền tải điện.
2. Khách hàng sử dụng điện lớn có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Có các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật này;
 - b) Thực hiện chế độ sử dụng điện theo yêu cầu của cấp điều độ có quyền điều khiển, biện pháp bảo đảm tiêu chuẩn điện năng, an toàn điện và nội dung khác đã được thỏa thuận trong hợp đồng mua bán điện, truyền tải điện.

Mục 3

GIÁ ĐIỆN

Điều 63. Chính sách giá điện

1. Đảm bảo phản ánh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh điện hợp lý, hợp lệ của đơn vị điện lực; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển điện lực có lợi nhuận hợp lý, tiết kiệm tài nguyên năng lượng, sử dụng các

dạng năng lượng mới, năng lượng tái tạo không gây ô nhiễm môi trường trong hoạt động điện lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

2. Giá bán điện thực hiện theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

3. Giá điện đảm bảo khuyến khích sử dụng điện có hiệu quả và tiết kiệm.

4. Thực hiện cơ cấu biểu giá bán lẻ điện hợp lý và giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các nhóm khách hàng không tham gia thị trường bán lẻ điện cạnh tranh (là khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không lựa chọn tham gia mua bán điện trên thị trường bán lẻ điện cạnh tranh).

5. Giảm dần tiến tới xóa bỏ bù chéo giá điện giữa các vùng, miền phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện; Nhà nước hỗ trợ tiền điện cho mục đích sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo tiêu chí, cơ chế do Thủ tướng Chính phủ quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

6. Bảo đảm quyền tự quyết định giá mua điện, giá bán điện trong khung giá, cơ cấu biểu giá bán lẻ điện do Nhà nước quy định.

7. Có cơ chế giá điện phù hợp trong việc nhập khẩu điện với nước ngoài.

8. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị điện lực và khách hàng sử dụng điện. Giá điện đảm bảo thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các đơn vị điện lực.

Điều 64. Giá điện

1. Quy định về giá bán lẻ điện:

a) Giá bán lẻ điện do đơn vị bán lẻ điện xây dựng căn cứ chính sách giá điện, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, cơ chế điều chỉnh giá và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện;

b) Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh giá, Thủ tướng Chính phủ quy định khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh;

c) Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện trong trường hợp cần thiết để ổn định phát triển kinh tế - xã hội;

d) Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng cơ chế điều chỉnh giá, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân và cơ cấu biểu giá bán lẻ điện trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định theo thẩm quyền.

2. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập khung giá phát điện bình quân, khung giá bán buôn điện bình quân, giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều

độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện lực.

Khung giá phát điện bình quân (trừ nhà máy điện đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành theo Điều 5 Luật này và nhà máy thủy điện nhỏ), khung giá bán buôn điện bình quân, giá truyền tải điện, giá phân phối điện, giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, giá điều độ vận hành hệ thống điện và giá điều hành giao dịch thị trường điện lực do đơn vị điện lực có liên quan xây dựng; cơ quan điều tiết điện lực thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt.

3. Giá hợp đồng mua bán điện theo hợp đồng mua bán điện của các nhà máy điện (trừ nhà máy điện đầu tư theo Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành theo Điều 5 Luật này và nhà máy thủy điện nhỏ), giá bán buôn điện do các đơn vị điện lực thỏa thuận theo phương pháp do Bộ Công Thương hướng dẫn nhưng không được vượt quá khung giá phát điện bình quân, khung giá bán buôn điện bình quân đã được phê duyệt.

Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án nhà máy điện, giá phát điện được thực hiện theo kết quả đấu thầu.

4. Trường hợp chưa thỏa thuận được về giá phát điện, giá bán buôn điện bên bán điện và bên mua điện có quyền thỏa thuận mức giá tạm thời để áp dụng cho đến khi thỏa thuận được mức giá chính thức.

5. Bộ Công Thương nghiên cứu xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt lộ trình cải tiến cơ cấu biểu giá bán lẻ điện, bao gồm giá bán điện theo thời gian sử dụng trong ngày, giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang tăng dần đối với nhóm khách hàng chưa đủ điều kiện tham gia hoặc không tham gia mua bán điện trên thị trường điện, giá bán điện có nhiều thành phần áp dụng cho các nhóm khách hàng khi điều kiện kỹ thuật cho phép và cơ chế giá điện khuyến khích để áp dụng cho khách hàng tham gia vào chương trình quản lý nhu cầu điện.

6. Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định chi phí và giá điện nhà máy điện do nhà nước độc quyền xây dựng và vận hành theo quy định tại Điều 5 Luật này và nhà máy thủy điện nhỏ.

Điều 65. Căn cứ lập và điều chỉnh giá điện

1. Chính sách giá điện.
2. Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thu nhập của người dân trong từng thời kỳ.
3. Quan hệ cung cầu về điện.
4. Các chi phí sản xuất, kinh doanh điện hợp pháp và tỷ suất lợi nhuận hợp lý của đơn vị điện lực.

5. Cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

6. Báo cáo tài chính, dữ liệu chi phí sản xuất kinh doanh điện đã được kiểm toán của đơn vị điện lực.

Điều 66. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

1. Giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực nối lưới điện quốc gia được thực hiện theo quy định tại Điều 64 của Luật này.

2. Thủ tướng Chính phủ quy định giá bán điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo khu vực chưa nối lưới điện quốc gia, phù hợp với cấp độ phát triển của thị trường điện cạnh tranh.

Chương VI

VẬN HÀNH, ĐIỀU ĐỘ HỆ THỐNG ĐIỆN QUỐC GIA

Điều 67. Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia

1. Nguyên tắc vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia:

- a) Đảm bảo an toàn, ổn định, chất lượng và tin cậy;
- b) Đảm bảo các ràng buộc kỹ thuật của hệ thống điện;
- c) Đảm bảo các yêu cầu về chống lũ, tưới tiêu và duy trì dòng chảy sinh thái theo quy định;
- d) Đảm bảo thực hiện các thỏa thuận về sản lượng điện và công suất trong Hợp đồng mua bán điện, xuất, nhập khẩu điện; các ràng buộc tiêu thụ nhiên liệu sơ cấp cho phát điện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;
- đ) Đảm bảo nguyên tắc tối ưu kinh tế - kỹ thuật hệ thống điện.

2. Điều độ hệ thống điện quốc gia được chỉ huy thống nhất bởi Đơn vị Điều độ hệ thống điện quốc gia.

3. Các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm xây dựng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong phạm vi quản lý để đảm bảo vận hành an toàn và giảm thiểu khả năng xảy ra sự cố.

4. Bộ Công Thương quy định về nguyên tắc vận hành, điều độ, thao tác, xử lý sự cố, khởi động đen và khôi phục hệ thống điện quốc gia.

Điều 68. Quy định về hệ thống truyền tải điện

1. Trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện truyền tải phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống điện truyền tải, đấu nối lưới điện truyền tải.

2. Bộ Công Thương quy định chi tiết yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành hệ thống điện truyền tải.

Điều 69. Quy định về hệ thống phân phối điện

1. Trang thiết bị điện, lưới điện đấu nối vào lưới điện phân phối phải bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống điện phân phối, đấu nối

lưới điện phân phối.

2. Bộ Công Thương quy định chi tiết yêu cầu kỹ thuật, đấu nối và vận hành hệ thống điện phân phối.

Điều 70. Quy định về quản lý nhu cầu điện

1. Quản lý nhu cầu điện là những hoạt động khuyến khích, hướng dẫn việc thay đổi phương thức sử dụng điện; chống lãng phí, giảm tổn thất điện năng; giảm phụ tải đỉnh, giảm chênh lệch phụ tải giữa giờ cao điểm và thấp điểm.

2. Khách hàng sử dụng điện có trách nhiệm tham gia chương trình quản lý nhu cầu điện để tối ưu vận hành hệ thống điện, giảm chênh lệch công suất giữa giờ cao điểm và giờ thấp điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện.

3. Các đơn vị điện lực có trách nhiệm nghiên cứu phụ tải điện và thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện để tối ưu vận hành hệ thống điện.

4. Chính phủ hướng dẫn chi tiết về quản lý nhu cầu điện.

5. Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự thực hiện chương trình quản lý nhu cầu điện.

Điều 71. Liên kết lưới điện với nước ngoài

Liên kết lưới điện với nước ngoài thông qua hệ thống điện quốc gia phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

1. Không làm ảnh hưởng đến độ an toàn, tin cậy và tính ổn định trong vận hành hệ thống điện quốc gia.

2. Đáp ứng các tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật, quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quản lý vận hành hệ thống điện quốc gia.

Điều 72. Tiết kiệm trong phát điện

1. Đơn vị phát điện có trách nhiệm lựa chọn công nghệ phát điện tiên tiến, thân thiện với môi trường, có hiệu suất cao, quản lý và thực hiện phương thức vận hành tối ưu thiết bị phát điện để tiết kiệm nhiên liệu và các nguồn năng lượng dùng phát điện, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường.

2. Hệ thống điện tự dùng trong nhà máy phát điện phải được thiết kế, lắp đặt hợp lý và phải bố trí sử dụng trong quá trình vận hành phù hợp với yêu cầu tiết kiệm điện tự dùng.

3. Bộ Công Thương quy định định mức tiêu hao điện tự dùng cho các loại nhà máy điện.

Điều 73. Tiết kiệm trong truyền tải, phân phối điện

Hệ thống đường dây tải điện, phân phối điện và trạm điện phải bảo đảm các thông số và tiêu chuẩn kinh tế - kỹ thuật tiên tiến, được vận hành với phương thức tối ưu nhằm đáp ứng yêu cầu cung cấp điện ổn định, an toàn, liên tục và xét đến hiệu quả kinh tế của các giải pháp giảm tổn thất điện năng.

Điều 74. Tiết kiệm trong sử dụng điện

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện cho sản xuất có trách nhiệm:

a) Cải tiến, hợp lý hóa quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ và trang thiết bị sử dụng điện có suất tiêu hao điện năng thấp để tiết kiệm điện;

b) Hạn chế việc sử dụng thiết bị điện công suất lớn vào giờ cao điểm của biểu đồ phụ tải hệ thống điện;

c) Bảo đảm hệ số công suất theo tiêu chuẩn kỹ thuật và hạn chế tối đa việc sử dụng non tải thiết bị điện.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu trang thiết bị chiếu sáng, thông gió, điều hòa, bơm nước, cung cấp nước nóng, thang máy và các trang thiết bị phục vụ sinh hoạt khác phải bảo đảm các chỉ tiêu tiêu hao điện năng tiên tiến nhằm giảm chi phí điện năng, góp phần thực hiện tiết kiệm điện.

3. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm ban hành quy chế sử dụng tiết kiệm điện trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

Điều 75. Quy định về đo đếm điện

1. Bên bán điện, đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt và quản lý toàn bộ các thiết bị đo đếm điện, thiết bị phụ trợ cho việc đo đếm điện, hệ thống thu thập và quản lý số liệu đo đếm, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác bảo đảm quyền lợi giữa các bên nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Thiết bị đo đếm điện phải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường và được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật về đo lường.

3. Vị trí lắp đặt công tơ đo đếm điện năng phải bảo đảm an toàn, mỹ quan, thuận lợi cho bên mua điện kiểm tra chỉ số đo điện năng và bên bán điện ghi chỉ số đo điện năng.

4. Bên sở hữu thiết bị đo đếm có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm thiết bị đo đếm điện theo đúng yêu cầu và thời hạn quy định của pháp luật về đo lường.

5. Khi có nghi ngờ thiết bị đo đếm điện không chính xác, bên mua điện có quyền yêu cầu bên bán điện kiểm tra; bên bán điện có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế; đối với trường hợp bán lẻ điện, bên bán điện phải hoàn thành kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế trong thời hạn ba ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mua điện. Trường hợp không đồng ý với kết quả kiểm tra, sửa chữa hoặc thay thế của bên bán điện, bên mua điện có quyền đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương tổ chức kiểm định. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của bên mua điện, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động điện lực và sử dụng điện tại địa phương có trách nhiệm tổ chức việc kiểm định. Trường hợp tổ chức kiểm định độc lập xác định thiết bị đo đếm điện đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường thì bên mua điện phải trả chi phí kiểm định. Trường hợp tổ chức kiểm

định độc lập xác định thiết bị đo đếm điện không đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường thì bên bán điện phải trả chi phí kiểm định, đồng thời thực hiện việc truy thu hoặc thoái hoàn điện năng theo hợp đồng mua bán điện đã ký và theo quy định của pháp luật.

Điều 76. Bảo đảm chất lượng điện năng

1. Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện phải bảo đảm điện áp, tần số dòng điện theo yêu cầu kỹ thuật do Bộ Công Thương ban hành, công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng. Trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn điện áp, tần số dòng điện, công suất, điện năng và thời gian cung cấp điện theo hợp đồng đã ký mà gây thiệt hại cho bên mua điện thì bên bán điện phải bồi thường cho bên mua điện theo quy định của pháp luật.

2. Bên mua điện có trách nhiệm bảo đảm các trang thiết bị sử dụng điện của mình hoạt động an toàn để không gây ra sự cố cho hệ thống điện, không làm ảnh hưởng đến chất lượng điện áp, tần số của lưới điện.

Điều 77. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia

1. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có các quyền sau đây:

a) Chỉ huy, điều khiển các đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện thực hiện phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia;

b) Chỉ huy xử lý các tình huống khẩn cấp hoặc bất thường trong hệ thống điện quốc gia; huy động công suất, điện năng của các nhà máy điện trong hệ thống điện quốc gia; chỉ huy việc thao tác lưới điện truyền tải và lưới điện phân phối; ngừng hoặc giảm mức cung cấp điện trong trường hợp có nguy cơ đe dọa đến sự vận hành an toàn, tin cậy của hệ thống điện quốc gia;

c) Xây dựng và trình duyệt giá điều độ vận hành hệ thống điện;

d) Yêu cầu các đơn vị điện lực có liên quan cung cấp thông tin về đặc tính kỹ thuật, khả năng sẵn sàng tham gia vận hành và mang tải của các trang thiết bị phát điện, truyền tải điện và phân phối điện; nhu cầu sử dụng điện của khách hàng để xác định phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia;

đ) Đánh giá cân đối cung cầu hệ thống điện trung hạn.

2. Đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, ổn định, kinh tế;

b) Tuân thủ các quy định về điều độ hệ thống điện quốc gia trong thị trường điện lực, lưới điện truyền tải và các hướng dẫn của cơ quan điều tiết điện lực, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực; không phân biệt đối xử trong việc huy động công suất, điện năng của các đơn vị phát điện trong hệ thống điện quốc gia;

c) Lập và thực hiện phương thức vận hành hệ thống điện quốc gia trên cơ sở kế hoạch, phương thức huy động công suất các nhà máy điện và các dịch vụ phụ trợ do đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực công bố;

d) Thông báo số lượng công suất, điện năng và các dịch vụ phụ trợ đã được huy động để đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực lập hoá đơn thanh toán;

đ) Báo cáo kịp thời với cơ quan điều tiết điện lực và thông báo cho đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực về những tình huống khẩn cấp hoặc bất thường đe dọa nghiêm trọng đến sự vận hành an toàn, tin cậy của hệ thống điện quốc gia.

Điều 78. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị điện lực trong vận hành

1. Các đơn vị điện lực có các quyền sau đây:

a) Đấu nối vào hệ thống điện quốc gia khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn kỹ thuật;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan.

2. Các đơn vị điện lực có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm lưới điện và các trang thiết bị thuộc phạm vi quản lý vận hành an toàn, ổn định, tin cậy;

b) Tuân thủ các quy định về vận hành hệ thống điện;

c) Tuân thủ phương thức vận hành, lệnh chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia;

d) Báo cáo các thông tin liên quan đến về khả năng sẵn sàng, độ dự phòng của các trang thiết bị, các thông tin liên quan theo yêu cầu của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia, đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện lực, cơ quan điều tiết điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 79. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng khi đấu nối vào lưới điện

1. Khách hàng sử dụng điện có các quyền sau đây:

a) Được đấu nối trực tiếp vào hệ thống điện quốc gia;

b) Được cung cấp đủ số lượng công suất, điện năng, bảo đảm chất lượng điện đã được thoả thuận trong hợp đồng;

c) Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin liên quan đến việc mua bán điện và hướng dẫn về an toàn điện;

d) Yêu cầu bên bán điện kiểm tra chất lượng dịch vụ điện, mức độ chính xác của thiết bị đo đếm điện.

2. Khách hàng sử dụng điện có các nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm trang thiết bị sử dụng điện, trang thiết bị đấu nối đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu về an toàn điện;

b) Thực hiện các lệnh thao tác của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia;

c) Sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả;

d) Thông báo kịp thời cho bên bán điện khi phát hiện những hiện tượng bất thường có thể gây mất điện, mất an toàn cho người và tài sản.

Chương VII

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC VÀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC ĐIỆN

Mục 1

BẢO VỆ CÔNG TRÌNH ĐIỆN LỰC

Điều 80. Trách nhiệm bảo vệ công trình điện lực

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực.
2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thông báo kịp thời với đơn vị điện lực hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi phát hiện các nguy cơ, hiện tượng mất an toàn điện, các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện.
3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức và chỉ đạo thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ công trình điện lực.

Điều 81. Trách nhiệm phối hợp thực hiện khi xây dựng, cải tạo, kết thúc sử dụng công trình điện lực và các công trình khác

1. Khi xây dựng, cải tạo hoặc mở rộng công trình có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của trang thiết bị điện, công trình điện lực và an toàn điện, chủ đầu tư phải có thỏa thuận thống nhất phương án thực hiện với đơn vị điện lực.
2. Khi sửa chữa, cải tạo, xây dựng và lắp đặt trang thiết bị điện và công trình điện lực có khả năng ảnh hưởng đến công trình khác thì đơn vị điện lực phải phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết.
3. Trường hợp các bên liên quan không thỏa thuận được thì yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết.
4. Khi không còn khai thác, sử dụng thì công trình điện lực phải được xử lý, quản lý bảo đảm an toàn theo quy định pháp luật.

Điều 82. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện

1. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện là vùng xung quanh công trình điện cần có biện pháp bảo vệ để đảm bảo an toàn cho con người và công trình điện, được xác định trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước tùy thuộc từng loại công trình điện theo cấp điện áp.
2. Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện bao gồm:
 - a) Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không;
 - b) Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm;

c) Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện.

d) Hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện.

3. Đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và theo quy định của pháp luật; không được gây cản trở cho việc bảo vệ an toàn công trình điện, trừ trường hợp phải di dời theo quy định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp việc sử dụng đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ sở hữu công trình, người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật.

Việc bồi thường khi thu hồi đất hoặc hỗ trợ khi giảm khả năng sử dụng đất trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn công trình điện được thực hiện theo quy định pháp luật về đất đai.

4. Các hoạt động trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật về an toàn điện.

5. Đối với công trình điện thuộc công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia thì hành lang bảo vệ an toàn công trình thực hiện theo quy định pháp luật về bảo vệ công trình liên quan đến an ninh quốc gia.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 83. Bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình.

2. Trước khi cấp phép cho tổ chức, cá nhân xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, cơ quan cấp phép phải yêu cầu chủ đầu tư xây dựng nhà ở, công trình phải có văn bản thỏa thuận với đơn vị quản lý lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không và an toàn trong quá trình xây dựng, coi nới, cải tạo, sử dụng nhà ở, công trình này.

Trường hợp xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không không thuộc đối tượng phải xin cấp phép xây dựng thì tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thỏa thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý lưới điện cao áp về các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không trước khi thực hiện.

3. Trường hợp xây dựng mới hoặc coi nới, cải tạo nhà ở, công trình gần hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và có nguy cơ vi phạm hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, chủ đầu tư xây dựng

nhà ở, công trình phải thông báo với đơn vị quản lý lưới điện, có các biện pháp bảo đảm an toàn đường dây dẫn điện trên không và an toàn trong quá trình thi công.

4. Không cho phép tồn tại nhà ở và công trình có người sinh sống, làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không có điện áp từ 500 kV trở lên, trừ những công trình chuyên ngành phục vụ vận hành lưới điện đó.

5. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Chủ sở hữu đất hoặc cây trồng phải có trách nhiệm chặt, tỉa phần cây trồng vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện hoặc khi ngã đổ có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện. Trường hợp chủ sở hữu đất hoặc cây trồng không chặt tỉa cây vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện dẫn đến gây sự cố lưới điện thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đơn vị quản lý vận hành lưới điện phối hợp khi có yêu cầu của chủ sở hữu đất, chủ sở hữu cây tổ chức chặt tỉa đảm bảo an toàn điện.

6. Cấm tiến hành mọi công việc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không có sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương tiện vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Trường hợp đặc biệt, tổ chức, cá nhân thực hiện công việc áp dụng công nghệ phù hợp hoặc do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh, phải có sự thoả thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

7. Ở những đoạn giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại bằng chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Phương tiện khi đi qua điểm giao chéo giữa đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển phải bảo đảm chiều cao không vượt quá chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, đường biển đó.

8. Khi tiến hành các công việc trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước ở gần hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không có khả năng ảnh hưởng đến sự vận hành bình thường của đường dây hoặc có nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện do cơ quan có thẩm quyền xác định thì đơn vị tiến hành những công việc đó phải có sự thoả thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

9. Bộ Công Thương quy định về khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp.

10. Bộ Giao thông vận tải quy định về chiều cao tĩnh không giữa đường dây dẫn điện trên không giao chéo với đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển.

Điều 84. Bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành cáp điện ngầm có trách nhiệm cấm mốc phạm vi hành lang bảo vệ an toàn cáp điện ngầm trong đất.

2. Cấm đào hố, chắt hàng hoá, đóng cọc, trồng cây, khai thác khoáng sản, xây dựng nhà ở và các công trình khác, thả neo tàu thuyền trong hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

3. Cấm thải nước và các chất ăn mòn cáp, trang thiết bị vào hành lang bảo vệ đường cáp điện ngầm.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải và các chất khác ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm phải có trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn chặn, không cho phép nước thải và các chất khác xâm nhập vào hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm dưới mặt đất.

5. Khi thi công các công trình trong đất hoặc nạo vét lòng sông, hồ, vùng biển trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm hoặc có nguy cơ vi phạm hành lang bảo vệ, bên thi công phải thông báo trước ít nhất 10 ngày cho đơn vị quản lý công trình lưới điện và phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn đường cáp điện ngầm.

Điều 85. Bảo vệ an toàn trạm điện

1. Không được xây dựng nhà ở, công trình và trồng các loại cây cao hơn 02 mét có nguy cơ gây phóng điện khi ngã đổ trong hành lang bảo vệ an toàn trạm điện; không xâm phạm đường ra vào của trạm.

2. Nhà ở, công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm.

3. Đường ra vào trạm phải đảm bảo cho phương tiện cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy lưu thông dễ dàng.

Điều 86. Bảo vệ an toàn công trình nguồn điện

1. Đối với các công trình nguồn điện có hàng rào bảo vệ, chủ đầu tư xây dựng công trình, tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình nguồn điện có trách nhiệm tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn cho công trình nguồn điện trong phạm vi hàng rào bảo vệ.

2. Đối với công trình nguồn điện không có hàng rào bảo vệ:

a) Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành công trình nguồn điện có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn và chịu trách nhiệm chính về việc bảo vệ an toàn công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn; trường hợp đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bảo vệ an toàn bị lấn chiếm, sử dụng trái phép để xử lý theo quy định;

b) Cây trong hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải đảm bảo khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp. Cây ngoài hành lang bảo vệ an toàn thì chủ sở hữu đất hoặc chủ sở hữu cây phải có trách nhiệm phối hợp cơ quan, tổ chức quản lý công trình nguồn điện chặt, tỉa để đảm bảo khi ngã đổ

không vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện nhằm triệt tiêu nguy cơ mất an toàn kỹ thuật đối với công trình nguồn điện;

c) Tổ chức, cá nhân sử dụng đất, mặt nước hợp pháp trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện khi triển khai các hoạt động trong phạm vi trên mặt đất, dưới lòng đất, trên mặt nước, dưới mặt nước thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình nguồn điện phải có trách nhiệm đảm bảo an toàn kỹ thuật cho công trình nguồn điện và có sự thỏa thuận với chủ công trình nguồn điện về các biện pháp bảo đảm an toàn kỹ thuật cho công trình theo quy định.

3. Tổ chức, cá nhân khi triển khai các hoạt động gần hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình nguồn điện có trách nhiệm triển khai các biện pháp an toàn phòng chống nguy cơ mất an toàn đối với công trình điện theo quy định.

Điều 87. Kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị, dụng cụ điện thuộc Danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định an toàn kỹ thuật có trách nhiệm tổ chức kiểm định thiết bị, dụng cụ điện trước khi đưa vào sử dụng. Trong quá trình sử dụng, vận hành phải kiểm định định kỳ đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Việc kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện phải được thực hiện bởi tổ chức kiểm định đáp ứng các quy định pháp luật về tổ chức đánh giá sự phù hợp và được Bộ Công Thương chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

3. Trình tự, thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện thực hiện theo quy định về đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp theo pháp luật về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Bộ Công Thương quy định chi tiết Danh mục thiết bị, dụng cụ điện phải kiểm định; chu kỳ kiểm định; quy trình kiểm định và định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

5. Chính phủ quy định chi tiết về trách nhiệm của cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện.

Mục 2

AN TOÀN ĐIỆN

Điều 88. Yêu cầu chung về an toàn điện

1. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện các công việc quản lý vận hành, xây dựng, vận hành, thử nghiệm, kiểm định, sửa chữa đường dây dẫn điện, thiết bị điện, công trình điện phải tuân thủ các biện pháp đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và được huấn luyện, sát hạch, cấp thẻ an toàn điện.

2. Đối với các công trình phát điện, trạm điện, đường dây dẫn điện chuẩn bị

đưa vào khai thác, sử dụng, chủ đầu tư phải bàn giao đầy đủ tài liệu thiết kế, thi công, hoàn công và các tài liệu kỹ thuật khác theo quy định của pháp luật về xây dựng cho đơn vị quản lý vận hành.

3. Tại các vị trí vận hành công trình điện có người trực phải có đầy đủ các quy trình: vận hành thiết bị, xử lý sự cố điện; sơ đồ lưới điện, nội quy phòng cháy, chữa cháy, nhật ký vận hành, dụng cụ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, biển cấm, biển báo an toàn về điện và các dụng cụ, phương tiện, tài liệu khác theo quy định.

4. Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực quản lý vận hành, thử nghiệm, kiểm định, xây lắp, sửa chữa đường dây dẫn điện, thiết bị điện, công trình điện phải định kỳ thực hiện báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình điện; tổ chức huấn luyện, sát hạch cấp thẻ an toàn điện cho người lao động tham gia thực hiện các công việc tại khoản 1 Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thiết bị, dụng cụ điện phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm theo quy định của pháp luật; cung cấp cho khách hàng hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị, dụng cụ điện đảm bảo an toàn theo quy định.

6. Bộ Công Thương quy định chi tiết về: huấn luyện, sát hạch cấp thẻ an toàn điện; báo cáo tai nạn điện và vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện; biển báo an toàn về điện; xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện trong phát điện, truyền tải, phân phối điện và sử dụng điện.

Điều 89. An toàn trong phát điện

1. Công trình phát điện phải được xây dựng, quản lý, vận hành phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện và khoảng cách an toàn về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường; phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy; được bảo vệ nghiêm ngặt, có biển báo an toàn về điện; biển cấm, biển báo nhằm đảm bảo an toàn về phòng cháy, chữa cháy; có biện pháp đảm bảo ngăn ngừa những người không có nhiệm vụ xâm nhập trái phép vào công trình phát điện.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về khoảng cách an toàn về môi trường đối với công trình phát điện.

2. Sử dụng các thiết bị, dụng cụ điện có chứng chỉ chất lượng hoặc nhãn mác đăng ký chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật khác có liên quan. Các thiết bị, dụng cụ điện phải được kiểm định an toàn kỹ thuật theo đúng quy định.

3. Trường hợp xảy ra cháy, nổ, sự cố, tai nạn về điện, chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm khẩn trương áp dụng các biện pháp cứu người bị nạn ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ, cấp cứu người bị nạn; tổ chức xử lý, ngăn ngừa khả năng vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn tiếp tục gây tác hại nguy hiểm, giảm nhẹ thiệt hại về người, tài sản; có các biện pháp bảo đảm an

toàn về điện cho các lực lượng, phương tiện được huy động tham gia xử lý vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố; tổ chức điều tra xác định nguyên nhân; xác định trách nhiệm các bên liên quan.

4. Công trình điện gió, điện mặt trời và các nguồn điện khác không có hàng rào bảo vệ phải tuân thủ quy định về an toàn phát điện tại Điều này và các biện pháp quản lý, kỹ thuật đặc thù đảm bảo an toàn cho con người, công trình điện.

5. Đối với công trình thủy điện phải tuân thủ quy định về an toàn phát điện tại Điều này và quy định về an toàn công trình thủy điện quy định tại mục 3 Chương VII Luật này.

6. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 90. An toàn trong truyền tải điện, phân phối điện

1. Chủ đầu tư trạm điện và công trình lưới điện phải chịu trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành trạm điện, công trình lưới điện phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện;

b) Đặt biển báo, thiết bị cảnh báo an toàn về điện tại các trạm điện, cột điện;

c) Sơn màu và đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột tại các cột có độ cao và vị trí đặc biệt để bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

2. Ở các vị trí giao chéo giữa đường dây dẫn điện cao áp trên không, đường cáp điện ngầm với đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, luồng hàng hải việc đặt và quản lý biển báo, biển cấm đối với phương tiện vận tải được thực hiện theo quy định của Bộ Giao thông-Vận tải. Chủ đầu tư công trình xây dựng sau phải chịu chi phí cho việc đặt biển báo, biển cấm.

3. Khi bàn giao công trình lưới điện, chủ đầu tư công trình phải giao cho đơn vị quản lý vận hành lưới điện đầy đủ các tài liệu kỹ thuật, biên bản nghiệm thu, quyết định giao đất, cho thuê đất và các tài liệu liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị quản lý vận hành trạm điện, lưới điện phải định kỳ tổ chức kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa bảo đảm cho hệ thống vận hành an toàn theo quy định; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm quy định về an toàn điện, bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

5. Các cáp điện đi ngầm trong đất, đi chung trên cầu, nằm trong kết cấu công trình khác hoặc đi chung với đường dây thông tin, phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định tại tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Các thiết bị và hệ thống chống sét, nối đất của trạm điện, lưới điện truyền tải và phân phối phải được lắp đặt đúng thiết kế và được nghiệm thu, kiểm tra định kỳ theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

7. Chính phủ quy định chi tiết điều này.

Điều 91. An toàn trong đấu nối vào hệ thống điện quốc gia

1. Đơn vị phát điện, truyền tải điện, phân phối điện và khách hàng sử dụng điện đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật và thực hiện các thủ tục về đấu nối theo quy định của Bộ Công Thương được đấu nối hệ thống điện của mình vào hệ thống điện quốc gia.

2. Lưới điện độc lập phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ Công Thương mới được đấu nối vào hệ thống điện quốc gia.

Điều 92. An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng điện để sản xuất phải thực hiện các quy định về an toàn điện, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn điện tương ứng.

2. Các thiết bị, hệ thống thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nối đất phải được nghiệm thu, kiểm tra định kỳ, kiểm tra bất thường và sửa chữa, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện. Sơ đồ của các hệ thống này phải đúng với thực tế và phải được lưu giữ cùng với hồ sơ sửa chữa, bảo dưỡng và các biên bản kiểm tra trong suốt quá trình hoạt động.

3. Trạm điện, trang thiết bị điện cao áp và đường dây cao áp nội bộ phải được lắp đặt và quản lý vận hành theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

4. Các thiết bị điện phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thiết bị điện hạ áp, bảo vệ chống điện giật, nối đất, nối không các thiết bị điện để chống tai nạn điện giật.

5. Các đường dẫn điện, dây điện phải được thiết kế, lắp đặt bảo đảm mặt bằng sản xuất thông thoáng, tránh được các tác động cơ học, hóa học có thể gây hư hỏng. Không dùng các kết cấu kim loại của nhà xưởng, máy móc, đường ống kim loại để làm dây trung tính làm việc, trừ trường hợp đặc biệt phải có thiết kế riêng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

6. Hệ thống điện tại các khu vực có chất dễ cháy, nổ phải được thiết kế, lắp đặt và sử dụng theo quy định về an toàn phòng, chống cháy nổ; chỉ được sử dụng loại thiết bị, dụng cụ phòng chống cháy, nổ chuyên dùng.

7. Các thiết bị điện dùng trong khai thác khoáng sản, dụng cụ điện, thiết bị điện di động, máy hàn, điện phân, mạ điện phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

8. Tổ chức, cá nhân cung cấp, bán điện sử dụng cho sản xuất có trách nhiệm kiểm tra hệ thống điện của khách hàng và các điều kiện về an toàn đấu nối, sử dụng điện trước khi cung cấp điện cho khách hàng sử dụng điện. Trong quá trình cấp điện, tổ chức giám sát, kịp thời phát hiện nguy cơ mất an toàn để có biện pháp ngăn chặn hoặc tạm dừng cấp điện nếu không có biện pháp đảm bảo an toàn theo quy định.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 93. An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ

1. Tổng nhu cầu sử dụng điện năng phục vụ sinh hoạt và dịch vụ phải phù hợp với thiết kế hệ thống điện trong nhà ở, công trình; dây dẫn điện phải có tiết diện và độ bền cách điện phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật. Khi tăng nhu cầu sử dụng điện năng phải đồng bộ với thiết kế hệ thống điện trong nhà ở, công trình đảm bảo an toàn điện, phòng cháy, chữa cháy.

2. Hệ thống điện trong nhà ở, công trình chỉ được xây dựng, lắp đặt sau khi thiết kế đã được duyệt đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật an toàn hiện hành bảo. Người thực hiện việc lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế các trang thiết bị, hệ thống điện trong nhà ở, công trình phải được đào tạo và có kiến thức về điện.

3. Tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc quản lý, sử dụng nhà ở, công trình chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn đối với hệ thống, thiết bị điện trong nhà ở, công trình do mình sở hữu hoặc quản lý, sử dụng đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện và phòng cháy, chữa cháy; kiểm tra, bảo trì trang thiết bị điện theo quy định kịp thời phát hiện và ngăn ngừa nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện.

4. Việc thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì đường dây dẫn điện vào nhà ở, công trình phải tuân thủ các quy định về an toàn điện và không cản trở hoạt động của các phương tiện giao thông, cứu thương, chữa cháy.

5. Đường dây dẫn điện, thiết bị điện và thiết bị đóng cắt, bảo vệ phải đảm bảo chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

6. Khi đơn vị cung cấp, bán điện phát hiện hoặc nhận được thông báo của người sử dụng điện về những hiện tượng bất thường có thể gây mất an toàn điện cho người và tài sản phải có trách nhiệm kiểm tra và có biện pháp ngăn chặn hoặc tạm dừng cung cấp điện nếu không có giải pháp đảm bảo an toàn theo quy định.

7. Trường hợp xảy ra sự cố điện, đơn vị cung cấp, bán điện phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng điện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị cung cấp, bán điện có trách nhiệm tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn người dân tại địa phương thuộc phạm vi quản lý tuân thủ quy định pháp luật về an toàn điện.

9. Chính phủ quy định chi tiết nội dung Điều này.

Điều 94. An toàn điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động điện lực và sử dụng điện ở nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn điện.

2. Chỉ đơn vị điện lực vận hành lưới điện mới được tổ chức sửa chữa, lắp